

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 24 tháng 04 năm 2020
V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Toàn và bà Tô Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1981

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 196/16, A, xã P, huyện L, tỉnh V.

Chỗ ở: Số 500/77/8, tổ 48, KP7, phường H, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 274/58/21, đường T10, phường T, Quận 12, Thành phố H.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1969

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 5+6-B7, đường số 32, tổ 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T.

(Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D trình bày: Do có quen biết nhau từ*

trước nên khoảng tháng 6 năm 2016 chị T có giới thiệu với chị về Công ty L làm chủ đầu tư đang khai trương đấu giá đất mỗi lô đất giá 270.000.000 đồng, nếu làm thủ tục đặt cọc vào ngày khai trương thì sẽ được giảm giá số tiền là 35.000.000 đồng, chị đã đồng ý.

Ngày 12 tháng 06 năm 2016, do công việc bận nên chị đã đưa trực tiếp cho chị T số tiền 20.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân để chị T đi làm thủ tục đặt cọc, cuối tháng 8/2016 chị T nói với chị chuẩn bị tiền để giao dịch mua đất và sau khoảng hai tháng sẽ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị, chị tin tưởng chị T nên tính đến ngày 10/9/2016 chị đã đưa cho chị T tổng số tiền là 235.000.000 đồng làm nhiều lần và không viết giấy. Nhưng quá thời gian trên không thấy Công ty báo làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị hỏi và liên lạc với chị T nhiều lần nhưng chị T thất hứa, chị thấy vậy nên đã đến lô đất để xem có ai tên là Bùi Thị Ngọc T giao dịch mua đất tại Công ty dịch vụ Cát Tường không. Ngày 03/12/2017 chị T thừa nhận không mua được đất nên đã viết giấy ghi nợ số tiền là 270.000.000 đồng (số tiền chênh lệch 35.000.000 đồng hai bên thống nhất và đồng ý là tiền lãi trong thời gian chậm trả số tiền gốc) và hẹn đến ngày 27 tháng 12 năm 2017 chị T phải trả nợ cho chị số tiền trên, đến hẹn chị T vẫn không trả. Ngày 29 tháng 08 năm 2019 chị đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận 12, thành phố H, ngày 12 tháng 09 năm 2019 Tòa án nhân dân quận 12 đã thụ lý vụ án và xác minh chị T không có đăng ký tạm trú và ở tại quận 12, thành phố H, qua thông tin chị được biết chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Lô 5+6-B7, đường L, tổ 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T. Ngày 12 tháng 10 năm 2019 Tòa án ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 800/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giải quyết theo thẩm quyền. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử buộc chị T phải thanh toán cho chị số tiền 270.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai các ngày 07/01/2020; 14/01/2020 và 21/02/2020 bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Chị thừa nhận có nợ của chị Nguyễn Thị Cẩm D số tiền 270.000.000 đồng đúng như giấy nhận nợ, giữa chị và chị D không có liên quan đến việc mua đất tại Công ty L như chị D trình bày, chị chỉ xác định chị đã vay của chị Nguyễn Thị

Cầm D số tiền là 270.000.000 đồng như giấy biên nhận nợ giữa chị và chị D. Do công việc của chị làm không ổn định về chỗ ở, nay đây mai đó chủ yếu là ở vùng đồng bào thiểu số, hoàn cảnh kinh tế của chị hiện tại rất khó khăn chị không có khả năng thanh toán số tiền một lần, nên chị đề nghị được trả dần hàng tháng hoặc theo quý và tính từ tháng 02 năm 2020 với mức là 3.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong và không tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án chị đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng về địa chỉ: Lô 5+6-B7, đường L, tổ 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T và chị không đến Tòa án theo giấy triệu tập được, chị có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Lô 5+6-B7, đường L, tổ 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T (em gái chị T) cung cấp:* Chị T có làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này cùng với chị Bùi Thị Ngọc (em gái chị T) từ năm 2009. Hiện nay chị T đi làm công việc gì, ở đâu chị không biết thỉnh thoảng chị T có liên lạc về gia đình hỏi thăm sức khỏe và công việc liên quan đến gia đình, chị không biết việc chị T nợ chị D số tiền 270.000.000 đồng.

** Ông Nguyễn Văn Lưu – tổ phó tổ dân phố số 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T cung cấp:* Chị Bùi Thị Ngọc T có đăng ký hộ khẩu và sinh hoạt tại tổ 36, phường Tr, thành phố T cùng với chị Bùi Thị N là em gái chị T, sau đó chị T đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương. Chị Bùi Thị N làm lao động tự do thời gian không có mặt ở nhà theo giờ hành chính, Tòa án đã đến xác minh và giao văn bản tố tụng nhưng không gặp chị Ngọc.

** Bà Đặng Thị H - phó trưởng Công an phường Tr, thành phố T, tỉnh T cung cấp:* Chị Bùi Thị Ngọc T có làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 21 (tổ 12 mới) phường Tr, thành phố T từ ngày 03/7/1995 đến ngày 21/10/2009 chủ hộ là bà Hà Thị Gái, sinh năm 1947 (mẹ đẻ chị T) đã làm thủ tục đổi sổ hộ khẩu và từ đó cho đến nay chị T không có mặt tại địa phương, chị T cũng chưa xin giấy chuyển khẩu đi nơi khác.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời

hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tại đơn khởi kiện người khởi kiện chị Nguyễn Thị Cẩm D đã cung cấp và ghi đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn Bùi Thị Ngọc T, việc bị đơn không có mặt tại nơi cư trú thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ đối với người khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự .

Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Bùi Thị Ngọc T có vay của chị Nguyễn Thị Cẩm D số tiền 270.000.000 đồng là đúng thể hiện tại giấy ghi nợ ngày 03/12/2017, bản tự khai của chị D và bản tự khai của chị T đều phù hợp với giấy ghi nợ. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T phải trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm D số tiền 270.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 24, Điều 26, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các thông báo, văn bản tố tụng. Do vậy, Tòa án căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Lô 5+6-B7, đường L, tổ 36, phường Tr, thành phố T, tỉnh T và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T trả số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy ghi nợ có chữ ký của hai bên.

Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T xác nhận giấy ghi nợ ngày 03/12/2017 với số tiền 270.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng, do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn đề nghị được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (theo tháng hoặc theo quý) và bắt đầu từ tháng 02/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có sự việc vay mượn tiền; Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về lãi suất phát sinh, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D về “Kiện đòi tài sản”.

Buộc bị đơn chị Bùi Thị Ngọc T phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D số tiền 270.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Thị Ngọc T phải nộp 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D số tiền 6.750.000 đồng (*sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008075 ngày 12 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh T.
- Đường sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền